

**12/09/2023**

# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-151022

Khách hàng: **VIN-919** VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING

Nhà cung cấp: **2003606** NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý

Không đồng ý

| Tình trạng kiện hàng: | Thùng rách        | Hư hỏng | Mùi hôi           | Bẩn        | Móp méo       | Ướt, chảy nước                                   |         |
|-----------------------|-------------------|---------|-------------------|------------|---------------|--------------------------------------------------|---------|
| Mã hàng               | Tên hàng          | Mã kho  | Tên kho           | Số SO      | Net(kgs)      | Nhận hàng thực tế<br>Gross Thùng Khay2.5 Khay1.6 | Ghi chú |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3376    | WM+ VTU 192-194   | 4153067512 | 4.5           | 4.5 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 1599    | WM Kiên Giang     | 4153138545 | 3.7           | 3.7 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4075    | WM+ KHA 69 Trườ   | 4153133286 | 9.0           | 9.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3947    | WM+ VTU 09 Nguyễn | 4153085725 | 6.5           | 6.5 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3902    | WM+ CTO Thừa 12   | 4153126398 | 10.5          | 10.5 1                                           |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3771    | WM+ CTO Số 2 Trầ  | 4153134074 | 3.1           | 3.1 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3735    | WM+ CTO 21-22 Võ  | 4153080106 | 7.7           | 7.7 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3610    | WM+ KHA 513 Đườ   | 4153146313 | 3.5           | 3.5 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4548    | WM+ CTO 51 Đườn   | 4153081074 | 5.0           | 5.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3396    | WM+ VTU 1003/56   | 4153142213 | 7.0           | 7.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4549    | WM+ AGG 268/4 và  | 4153126167 | 3.3           | 3.3 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3111    | WM+ KHA 48 Đặng   | 4153147066 | 4.2           | 4.2 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3099    | WM+ KHA 53 Văn Đ  | 4153119344 | 4.0           | 4.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 2A68    | WM+ KHA 14 Nguy   | 4153133394 | 5.1           | 5.1 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 2A61    | WM+ KHA 29 Đườn   | 4153144379 | 3.5           | 3.5 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 1705    | WM VTU Gateway V  | 4153106281 | 6.0           | 6.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 1615    | WM VCP TNH Tây    | 4153126342 | 3.7           | 3.7 1                                            | CHK     |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 1613    | WM VCP KHA Lê T   | 4153124687 | 4.7           | 4.7 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 3397    | WM+ VTU 921 Bình  | 4153087597 | 3.3           | 3.3 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 5529    | WM+ KGG 186 -188  | 4153139389 | 7.1           | 7.1 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6756    | WM+ CTO 09 Trần   | 4153148330 | 4.8           | 4.8 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6719    | WM+ KHA 34 Hòn C  | 4153139390 | 3.4           | 3.4 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6581    | WM+ CTO 106 - 10  | 4153083638 | 3.3           | 3.3 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6530    | WM+ AGG 107 Ngu   | 4153120230 | 3.8           | 3.8 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6150    | WM+ AGG 1 Nguyễn  | 4153120366 | 3.3           | 3.3 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6011    | WM+CTO 81B/2 đư   | 4153128030 | 7.5           | 7.5 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 5999    | WM+ CTO 131 - 133 | 4153088658 | 3.4           | 3.4 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4224    | WM+ VTU 1481 đư   | 4153068316 | 7.0           | 7.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 5648    | WM+ VTU 117 Nguy  | 4153134442 | 6.7           | 6.7 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 6797    | WM+ TNH 228 Các   | 4153068343 | 5.2           | 5.2 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 5052    | WM+ CMU 517 Ngu   | 4153134438 | 3.6           | 3.6 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4860    | WM+ LAN 10-11-12  | 4153112658 | 4.1           | 4.1 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4818    | WM+ KGG Lô số F1  | 4153114592 | 6.4           | 6.4 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4763    | WM+ AGG Thừa 17   | 4153124993 | 4.0           | 4.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4576    | WM+ AGG 01 Thái   | 4153124635 | 3.0           | 3.0 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4572    | WM+ AGG 77 Ung    | 4153127015 | 3.8           | 3.8 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 4562    | WM+ AGG 244-245   | 4153134254 | 5.7           | 5.7 1                                            |         |
| 22                    | CROSS DOCKING - C | 5795    | WM+ LAN 236A-238  | 4153085405 | 3.0           | 3.0 1                                            |         |
| <b>TOTAL:</b>         |                   |         |                   |            | <b>187.40</b> | <b>187.40 38</b>                                 |         |

Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp  
phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho  
lạnh Swire

**Nhà cung cấp/ NVC**

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm  
tra niêm phong

Nguyễn Thị Trang

emergentcold

CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM

Số 16, Đường số 6, KCN Sóng Thần 1

P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: 0274 3737690

Email: songthan.ops45@lineagelogistics.com

Thư

# Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Nguyễn Bảo An Trinh



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH TÂY NINH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>TTTM Vincom Plaza Tây Ninh, khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh,<br>Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam<br>MST: 0104918404-046<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>1615-WM VCP TNH Tây Ninh<br>1615 - WM VCP TNH Tây Ninh<br>TTTM Vincom Plaza Tây Ninh, Khu Phố 1, Phường 3, TP. Tây Ninh, T.<br>Tây Ninh, Việt Nam<br>02471066866 -... | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4153126342<br>Ngày đặt hàng (PO date) 10.09.2023<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC<br>Người đặt hàng (Purchaser) Nguyễn Lê Phương Thảo<br>Số điện thoại 0797957292<br>Email aic.1615@winmart.masangroup.co<br>m<br>Ngày giao (Delivery Date) 13.09.2023<br>Ghi chú |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002003606</b><br>CTY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM<br>12/14/18 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| Stt<br>(No.)                                           | Tên hàng<br>(Item Description)             | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10                                                     | 10005986<br>THU HẰNG Gà muối gói 500g      | 8938508668212        | 4                      | G1            | 111,058                 | 444,232                      |
| 20                                                     | 10182350<br>Ngọc Thơm_Chả nướng 300g       | 8938529045207        | 3                      | G1            | 70,950                  | 212,850                      |
| 30                                                     | 10182353<br>Ngọc Thơm_Chân gà sốt cay 400g | 8938529045221        | 2                      | G1            | 90,750                  | 181,500                      |
| <b>Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)</b> |                                            |                      |                        |               |                         | <b>838,582</b>               |
| - 5% (VAT)                                             |                                            |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 8% (VAT)                                             |                                            |                      |                        |               |                         | 67,086.56                    |
| - 10% (VAT)                                            |                                            |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 15% (VAT)                                            |                                            |                      |                        |               |                         | 0                            |
| <b>Thuế GTGT (VAT Amount)</b>                          |                                            |                      |                        |               |                         | <b>67,086.56</b>             |
| <b>Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)</b>            |                                            |                      |                        |               |                         | <b>905,668.56</b>            |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)